

Số: 104/KHCL-TrMN

Diễn Lộc, ngày 26 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC BỔ SUNG
Chiến lược phát triển trường mầm non Diễn Lộc giai đoạn 2020-2025
và tầm nhìn đến năm 2030; năm học 2024-2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH (Bổ sung)

Căn cứ vào kế hoạch số 56/KHCL-TrMN ngày 04/11/2020, kế hoạch chiến lược phát triển trường Mầm non giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 108/KHCL-TrMN ngày 29/9/2023 chiến lược bổ sung năm học 2023-2024; Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐT của Hội đồng trường họp ngày 05/8/2024 về việc xây dựng kế hoạch năm học 2024-2025;

Căn cứ lộ trình của từng giai đoạn 2020-2025 nhà trường bổ sung Chiến lược phát triển trường mầm non Diễn Lộc năm học 2024-2025 như sau;

II. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương.

Xã Diễn Lộc là một xã đồng bằng nằm ở phía Nam huyện Diễn Châu, cách trung tâm huyện Diễn Châu khoảng 6 km. Phía đông giáp xã Diễn An, Diễn Thịnh, phía tây giáp xã Diễn Thọ, Diễn Phú, phía nam giáp xã Nghi Yên, phía bắc giáp xã Diễn Tân. Tổng diện tích 706,1 ha Xã có 1.831 hộ với 7.126 nhân khẩu dự kiến đến năm 2030 khoảng 7,5 nghìn người, được chia thành 8 xóm. Lao động 4.160; Giá trị ngành nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản 23,2%. Công nghiệp, xây dựng, ngành nghề dịch vụ thương mại thu nhập khác 68,8%; Thu nhập tiền lương, tiền công, tiền khác 11%. (Số liệu báo cáo của UBND xã 6 tháng đầu năm 2024). Triển khai xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao 2024, khu dân cư đạt tiêu chí xanh, sạch, sáng, đẹp; giảm hộ nghèo dưới 2% (hiện tại $24/1.831=1,3\%$), hộ cận nghèo dưới 4% (hiện tại $80/1.831=4,4\%$).

Xã có 3 đơn vị trường học đều đạt trường chuẩn quốc gia, đơn vị văn hóa. Trường MN, THCS giữ vững danh hiệu trường chuẩn quốc gia mức độ 1, KĐCL cấp độ 2. Trường Tiểu học đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2, KĐCL cấp độ 3, cả 3 nhà trường đều đang từng bước được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; năm học 2023-2024; có 2 trường hoàn thành tốt nhiệm vụ; đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến cấp huyện (MN, THCS). Các hoạt động về văn hóa luôn được địa phương, các xóm quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt. Đời sống văn hóa của nhân dân ngày được nâng lên.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024-2025 và ba năm sau

Trường Mầm non Diễn Lộc được thành lập năm 1976. Năm 2011, được chuyển đổi từ trường mầm non bán công sang trường mầm non công lập tự chủ một phần kinh phí theo Quyết định số: 1027/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND huyện Diễn Châu. Trường mầm non Diễn Lộc có 2 điểm, điểm A đặt ở vị trí trung tâm, tại Xóm Xuân Nho, điểm B đặt ở vị trí tại xóm Thượng Lộc xã Diễn

Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, thuận lợi cho việc phụ huynh đưa trẻ đến trường. Trường có tổng diện tích **5.369.9** m², Có **2** dãy nhà kiên cố **3** dãy nhà bán kiên cố, có **14** phòng học, có **5** phòng chức năng, bổ trợ (*2 âm nhạc, 1 tin học, 1 thể chất, 1 thư viện*), có **12** phòng hành chính, bổ trợ (*1 HT, 2 PHT, 1 VP, 1 y tế, 1 hành chính, 2 nhà bảo vệ, 2 khu để xe, 2 khu vệ sinh ghép*), có 2 bếp nấu, có 3 phòng học, một số phòng chưa đạt tiêu chuẩn, có 2 cổng, hàng rào kiên cố đảm bảo quy chuẩn. Trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm học **2008-2009 (lần 1)** năm học **2019-2020 (lần 2)** và dự kiến công nhận lại sau 5 năm đó là năm học **2025-2025**; Trường dự kiến xây dựng trường chuẩn Quốc gia mức độ **2** và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ **3** năm học **2026-2027**; Trường có bề dày về thành tích kể từ năm học **1999-2000** sau **24** năm phát triển nhà trường đã đạt **20** danh hiệu như: **4** lần đạt tập thể LĐTTXS cấp tỉnh; **15** lần đạt tập thể lao động LĐTT cấp huyện, **1** lần đạt thực hiện tốt chuyên đề lấy trẻ làm trung tâm. Chi bộ đạt vững mạnh, vững mạnh tiêu biểu, công đoàn, đoàn thanh niên HTTNV, HTXSNV.

Trường mầm non Diễn Lộc có 2 điểm, điểm A đặt ở vị trí trung tâm, tại Xóm **Xuân Nho**, điểm B đặt ở vị trí tại xóm **Thượng Lộc** xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, thuận lợi cho việc phụ huynh đưa trẻ đến trường. Trường có tổng diện tích **5.369.9** m². Trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường chuẩn Quốc gia mức độ I năm học **2019-2020** (công nhận lại lần 2). Trường đạt tập thể LĐTT năm học 2023-2024.

2.1. Đặc điểm các độ tuổi của trẻ;

- Trẻ mầm non trong độ tuổi từ **0-6 tuổi: 647** trẻ, trong đó: Trẻ từ **0-2 tuổi: 259** trẻ; Trẻ từ **3-6 tuổi: 388** trẻ.

TT	Năm sinh	TS trẻ điều tra	Nữ	Trẻ chuyển đi nơi khác	Trẻ đi học nơi khác	TS trẻ có mặt tại xã
1	Trẻ sinh năm 2024	42	25	0	0	42
2	Trẻ sinh năm 2023	102	48	0	0	102
3	Trẻ sinh năm 2022	115	52	0	0	115
	Cộng trẻ NT	259	125	0	0	259
4	Trẻ sinh năm 2021	126	69	5	2	119
5	Trẻ sinh năm 2020	129	46	17	8	104
6	Trẻ sinh năm 2019	133	69	19	0	114
	Cộng trẻ MG	388	184	39	10	337
	Cộng tổng	647	309	39	10	596

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý:

- Tổng số viên chức **30** người: biên chế **30** người; (CBQL **3** người, giáo viên **25** người; nhân viên **2** người) Đảng viên **17/30** đạt tỷ lệ **56,7%**.

- TĐCM: Đạt chuẩn **100%** trên chuẩn Đại học là **25/30** người tỷ lệ **83,5%**;

- Tổng số hợp đồng người lao động: **10** người; nhân viên nấu ăn cho trẻ **8** người; nhân viên bảo vệ **2** người. Đủ tiêu chuẩn về sức khỏe và năng lực để làm việc.

- Đội ngũ đủ theo chỉ tiêu là 1.8 giáo viên/nhóm, lớp: Được bố trí lớp mẫu giáo 5 tuổi, nhóm trẻ 2 GV/nhóm, lớp; lớp mẫu giáo 3 tuổi 1,8 GV/lớp; lớp mẫu giáo 4 tuổi 1,5 GV/lớp.

- Đội ngũ viên chức, người lao động có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý nhà trường, có uy tín với đồng nghiệp, phụ huynh; có trình độ chuyên môn đạt trên chuẩn cao, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tụy với công việc.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường.

- Năm học 2023-2024 trường có 14 phòng học. phòng sinh hoạt chung kiên cố đảm bảo diện tích là 55m²/phòng, bình quân 1,5 m²/trẻ, đảm bảo các yêu cầu theo quy định. Các phòng sinh hoạt chung dùng làm nơi tổ chức ăn, ngủ cho trẻ có đủ ánh sáng tự nhiên, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông nền nhà được lát gạch hoa sạch sẽ; Phòng học được trang trí đẹp, tranh ảnh, đồ dùng đồ chơi được sắp xếp phù hợp với chủ đề. Có đủ bàn ghế, đồ dùng trang thiết bị theo VBHN số 01/2015/TT-BGDĐT.

- Trang thiết bị dạy học và đồ dùng đồ chơi cho các lớp 5-6 tuổi được cấp phát và mua bổ sung hàng năm đầy đủ theo danh mục quy định; Các lớp dưới 5 tuổi được nhà trường mua sắm, giáo viên và phụ huynh tự làm tương đối đảm bảo cho việc dạy và học cho cô và trẻ;

- Phòng chức năng và công trình phụ trợ, chưa đảm bảo điều kiện cho công tác CSGD trẻ tại trường.

- Có 2 bếp ăn chưa đạt chuẩn, đồ dùng trang thiết bị nhà bếp một số đã hiện đại, một số chưa đảm bảo nhưng đã đủ đồ dùng đầy đủ phục vụ bán trú đảm bảo để chăm sóc nuôi dưỡng trẻ theo quy định.

III. NỘI DUNG BỔ SUNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

1. Lộ trình thực hiện.

Năm học 2024-2025 phấn đấu đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

3. Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ;

- 14/14 nhóm, lớp đảm bảo an toàn cho trẻ trong năm học. Trong đó 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần. (Thực hiện nghiêm túc Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 về trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích). Phòng y tế đầy đủ đồ dùng, dụng cụ, cơ sở thuốc thiết yếu, có kế hoạch phòng chống dịch theo mùa. Đảm bảo ba “yên”; “trẻ yên vui, cô giáo yên tâm, phụ huynh yên lòng.”,

- 100% nhóm, lớp, giáo viên cam kết thực hiện tốt đạo đức nhà giáo, văn hóa ứng xử, không bạo hành trẻ.

- 100% CBGVNV, người lao động được tập huấn kiến thức về đảm bảo an toàn cho trẻ.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

4.1. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

- Tỷ lệ trẻ ăn bán trú đạt 100% mức ăn 20.000đ/ngày/trẻ; 100% trẻ được khám sức khỏe, cân, đo, theo dõi BDPT theo quy định;

- Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân dưới 3% và thấp còi dưới 4%; Thừa cân, béo phì dưới 1,5%; 80% trẻ SDD, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp;

- Bếp ăn đảm bảo đầy đủ dụng cụ cần thiết, hiện đại, đảm bảo VSATTP

- 14/14 nhóm, lớp đủ đồ dùng vệ sinh các nhân, thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt vệ sinh cá nhân hàng ngày; tăng cường dạy kỹ năng sống cho trẻ để trẻ tự phục vụ, tự bảo vệ sức khỏe. Đảm bảo vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, đảm bảo nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước.

4.2. Nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

- Nhà trường xây dựng chương trình giáo dục mầm non hiện hành và phù hợp với tình hình địa phương, 14/14 nhóm, lớp thực hiện.

- 14/14 nhóm, lớp thực hiện nội dung chủ đề; “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”; Xây dựng môi trường giáo dục trong, ngoài lớp học theo công văn số 702/PGD&ĐT ngày 19/8/2024; Mô hình “Phối hợp Gia đình, Nhà trường và Cộng đồng” trong công tác NDCSGD trẻ”. Khai thác hiệu quả “thư viện mở” trên sân trường giúp trẻ làm quen với sách, yêu thích sách.

Xây dựng mô hình điểm và phân công cán bộ phụ trách:

- + “Lớp học hạnh phúc, tôn trọng quyền trẻ em” lớp nhỡ A; (Cô Dung PHT)
- + “Lớp học xanh, sạch, đẹp, thân thiện” lớp nhỡ C; (Cô Hiền CTCD)
- + “Lớp học ngoài trời hòa mình vào thiên nhiên” lớp lớn C; (Cô Hà HT)
- + “Lớp học với phương pháp giáo dục lấy cảm hứng từ nghệ thuật” lớp lớn D; (Cô Hiền PHT)

- 4/4 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi tổ chức thực hiện nội dung hoạt động: “Hỗ trợ trẻ 5 tuổi giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học”; giao lưu văn nghệ 20/11 với trường Tiểu học, thăm trường trường Tiểu học, tổ chức hội thảo.

- Tổ chức cho trẻ khối 4-5 tuổi; 5-6 tuổi thực hành trải nghiệm: thăm quan di tích lịch sử, cách đồng lúa, đài liệt sĩ, phiên chợ tết; chương trình: “ Tôi yêu Việt Nam” với chủ đề Giao thông và các chủ đề lồng ghép tích hợp phù hợp.

- Tổ chức các hoạt động tập thể, các ngày hội lễ: Hát Quốc ca ngày thứ 2, Ngày Hội của bé đến trường; Tết Trung Thu; ngày 20/10; ngày 22/12; ngày tết nguyên đán; ngày 8/3; ngày 30/4; ngày sinh nhật Bác, ngày tổng kết cuối năm học.

- 14/14 nhóm, lớp thực hiện tốt công tác đánh giá trẻ: nội dung đánh giá trẻ cuối ngày, đánh giá cuối chủ đề, cuối giai đoạn đối với trẻ nhà trẻ, cuối độ tuổi đối với trẻ mẫu giáo trong đó phần đầu đạt mục tiêu giáo dục trẻ mẫu giáo 95-97%, trẻ nhà trẻ 93-95% cụ thể:

- + Lĩnh vực phát triển thể chất: Nhà trẻ đạt 95-97%; mẫu giáo đạt: 97-98%.
- + Lĩnh vực phát triển nhận thức: Nhà trẻ đạt 93-95%; mẫu giáo đạt: 95-97%.
- + Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: Nhà trẻ đạt 93-95%; mẫu giáo đạt: 95-97%.
- + Lĩnh vực phát triển TCKNXH: Nhà trẻ đạt 93-95%; mẫu giáo đạt: 95-97%.

+ Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ: Mẫu giáo đạt: 96-97%.

* Về cơ sở vật chất, TBDH, ĐDDC

- Tham mưu xây dựng, cải tạo CSVC theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020, Thông tư 16/2023/TT-BGDĐT ngày 22/11/2023, mua bổ sung đồ dùng, thiết bị, đồ chơi để đạt được mục tiêu về lộ trình CQG mức 2.

- Tiếp tục bổ sung, chuẩn hóa trang thiết bị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ từ nguồn kinh phí giao quyền tự chủ theo quy định. Huy động các nguồn lực xã hội thực hiện xã hội hóa việc đầu tư cơ sở vật chất, trang bị thiết bị, đồ dùng, đồ chơi...

- Quy hoạch môi trường bên trong và bên ngoài, quy hoạch lại cây xanh, hoa cảnh tạo môi trường Sáng- Xanh- Sạch- Đẹp thể hiện môi trường giáo dục thân thiện, an toàn. Cải tạo khuôn viên, xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong và ngoài lớp học ấn tượng, đảm bảo theo yêu cầu trường chuẩn Quốc gia.

- Tích cực tham mưu với lãnh đạo địa phương để tranh thủ các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị; xây dựng thêm các phòng chức năng, các hạng mục còn thiếu theo yêu cầu; làm tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh và cộng đồng nhân dân để huy động sức người, sức của tập trung chăm lo xây dựng cơ sở vật chất theo hình thức “nhà nước và nhân dân cùng làm”.

- Nghiêm chỉnh chấp hành quy định của Nhà nước về thu chi tài chính; huy động và sử dụng các nguồn vốn đảm bảo dân chủ, minh bạch và công khai;

Đồ dùng, đồ chơi, thiết bị mua bổ sung hàng năm theo nhu cầu và biên bản kiểm kê, tờ trình.

Giai đoạn 1: Từ năm 2024-2025 Tu sửa, xây dựng Trường Mầm non Đạt chuẩn mức độ 1 công nhận lại lần 3.

- *Từ nguồn tài trợ XHHGD:* Mua ghế cho trẻ, mua sạp ngủ cho trẻ, giá tủ, CPU, bàn phím, chuột, ti vi, mua đồ dùng, đồ chơi theo thông tư 0, ốp gạch men trắng 3 phòng học,....

- *Từ nguồn học phí:* sửa các công trình, sân, mương máng cống rãnh, công trình vệ sinh cụm B, bổ sung đồ dùng, đồ chơi các khu vực chơi, sơn sửa đồ chơi ngoại trời.....

- *Từ nguồn ngân sách:* bàn ghế phòng trực cụm B, vách ngăn phong kho và phòng trực cụm B, sửa chữa điện nước 2 cụm, sửa chữa đồ điện tử 2 cụm, mua máy tính PHT làm phổ cập, mua đồ thông tư 01, sơn sửa dây nhà dầu khí, sơn cửa chính dây nhà dầu khí, tủ cá nhân của trẻ,...

- *Từ nguồn dạy tăng cường:* Ghế cho trẻ phòng học ngoại ngữ cụm B, trang phục múa,

1. Từ nguồn kinh phí ngân sách cấp năm 2024, 2025

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bộ, bàn ghế phòng hiệu phó cụm B	Bộ	1	6.000.000	6.000.000
2	Vách ngăn phòng hiệu phó	M2	35	450.000	15.750.000
3	Tu sửa điện nước	Hđ	1	35.000.000	35.000.000
4	Sửa chữa máy tính, mực in các phòng học	Hđ	1	35.000.000	35.000.000
5	Mua máy tính hiệu phó	Cái	1	14.800.000	14.800.000
6	Ốp gạch men phòng học	m2	251	195.000	48.945.000
7	Sơn dây phòng học phía Bắc	m2	555	63.000	34.965.000
8	Sơn cửa, tủ cá nhân	cái	20	700.000	14.000.000
Tổng tiền dự kiến					204.460.000

Số tiền bằng chữ: Hai trăm linh tư triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng.

2. Từ nguồn vận động tài trợ

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
----	----------	-----	----------	---------	------------

1	Mua ghế nhựa đúc cho trẻ: 35 cái	Cái	35	130.000	4.550.000
2	Mua sạp ngủ gỗ thông cho trẻ	Cái	80	590.000	47.200.000
3	Mua CPU, lắp đặt dây, chuột, bàn phím	Cái	6	6.000.000	36.000.000
4	Mua ti vi lớp bé B, Bé D 2 cái	Cái	2	7.500.000	15.000.000
5	Mua giá tủ để CPU, ti vi 14 lớp	Cái	14	2.200.000	30.800.000
6	Mua đồ chơi theo TT01	HĐ	12		27.540.000
Tổng tiền dự kiến					161.090.000

Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi một triệu không trăm chín mươi ngàn đồng.

3. Từ nguồn thu Học phí:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Sửa chữa thay thế thiết bị vệ sinh cụm B	HĐ	1	15.000.000	15.000.000
2	Sơn, sửa đồ chơi ngoài trời	HĐ	1	17.500.000	17.500.000
Tổng tiền dự kiến					32.500.000

Số tiền bằng chữ: Ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng

4. Từ nguồn thu dạy tăng cường và kỹ năng :

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Mua trang phục múa	cái	40	140.000	5.600.000
2	Mua ghế phòng ngoại ngữ	cái	40	130.000	5.200.000
Tổng tiền dự kiến					10.800.000

Số tiền bằng chữ: Mười triệu tám trăm ngàn đồng

Giai đoạn 2: Từ năm 2025-2030 Xây dựng Trường Mầm non Đạt chuẩn mức độ 2. (có văn bản và bảng kê kèm theo)

1. Mở rộng diện tích đất cụm A từ 1.500 m² đến 2.000 m².

2. Xây dựng 13 phòng trong đó 3 phòng học, 10 phòng chức năng, hành chính đúng quy định theo *Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020; Thông tư 16/2023/TT-BGDĐT ngày 22/11/2023 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.*

3. Sửa chữa, nâng cấp cải tạo dãy nhà dầu khí thành bếp một chiều và một số phòng ban khác.

3. Sửa chữa, nâng cấp cải tạo dãy nhà dầu khí thành bếp một chiều và một số phòng ban khác.

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN I.

Xây dựng nhà 3 tầng gồm 13 phòng trong đó có phòng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ, các phòng chức năng phục vụ học tập của trẻ và các phòng ban, phòng hỗ trợ như sau:

1. Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ (gọi tắt là nhà học): 3 phòng. (diện tích theo quy định và tên các khu vực gồm)

1.1- Khu sinh hoạt chung: 1,5m²/trẻ em x 35 trẻ = 52,5m²/phòng.

1.2- Khu ngủ: 1,2m²/trẻ em x 35 trẻ em = 42 m²/phòng.

1.3- Kho: 6m²/phòng.

- 1.4- Khu vệ sinh của trẻ: 12m²/phòng.
- 1.5- Phòng giáo viên: 12m²/phòng.
- 1.6- Hiên trước chiều rộng khoảng 2,2m; hiên sau chiều rộng từ 2,7m trở lên.
- 2. Phòng chức năng phục vụ học tập của trẻ: 4/5 phòng. (diện tích theo quy định và tên phòng như sau)**
 - 2.1- Phòng Giáo dục nghệ thuật: 70m² trở lên.
 - 2.2- Phòng thể chất: 70m² trở lên.
 - 2.3- Phòng thư viện: 70m² trở lên.
 - 2.4- Nhà đa năng: 70m² trở lên.
 - 2.5- Phòng tin học (ngoại ngữ): 40m² trở lên. (đã bố trí ở dãy nhà khác)
- 3. Phòng hành chính: 6/8 phòng (có bố trí khu vệ sinh liền kề, diện tích theo quy định và tên phòng như sau)**
 - 3.1- Văn phòng: 6m²/người. (dự kiến 50 người trở lên)
 - 3.2- Phòng họp: 1,2m²/người.
 - 3.3- Phòng Hiệu trưởng: 12m²/phòng.
 - 3.4- Phòng Phó Hiệu trưởng: 10m²/phòng.
 - 3.5- Phòng hành chính quản trị: 10m²/phòng
 - 3.6- Phòng tư vấn tâm lý: 10m²/phòng.
 - 3.7- Phòng nhân viên: 10m²/phòng (đã bố trí ở dãy nhà khác)
 - 3.8- Phòng y tế: 10m²/phòng (đã bố trí ở dãy nhà khác)

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN II. (2 gói)

1. Gói nhà học và nhà chức năng phục vụ trẻ. Gồm 8 phòng (xây dựng phía đông (phía sau) nhà học 8 phòng cũ):

- Tầng 1: Bố trí 4 phòng học (gồm có 6 khu vực quy định như phần 1)
- Tầng 2: Bố trí 4 phòng chức năng gồm (phòng nghệ thuật, phòng thể chất, phòng thư viện, phòng tin học (ngoại ngữ).

2. Gói nhà hành chính, bổ trợ: Gồm 7 phòng (xây dựng phía nam):

- Tầng 1. Nhà đa năng, văn phòng (tiếp công dân, truyền thông).
- Tầng 2: Phòng họp, Phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng tư vấn tâm lý.

Cải tạo 8 phòng học cụm A. Tóm tắt hiện trạng CSVCS hiện có:

- Có 8 phòng học kiên cố ở cụm A: có các khu vực sinh hoạt chung, kho, khu vệ sinh, hiên trước, hiên sau xây dựng trước năm 2020. Hiện trạng nhà đã xuống cấp cần sửa chữa, cải tạo:

1. Phần sơn trong, ngoài, trần nhà 8 phòng học và các khu vực liên quan.
2. Ốp tường cao 1,8 m hiên trước, hiên sau của 8 phòng học.
3. Ốp thêm trước do gạch bung.
4. Xử lý chống thấm trần nhà vệ sinh, nền nhà vệ sinh.
5. Sửa chữa hệ thống điện, nước nhà vệ sinh, thay vách ngăn bằng nhựa.
6. Bổ sung thêm mỗi nhà vệ sinh 2 tiểu nam của trẻ, thay bồn vệ sinh

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hiệu trưởng: Bổ sung kế hoạch chiến lược hàng năm, khi có biến động, thay đổi. thường xuyên cập nhật, theo dõi việc thực hiện Kế hoạch chiến lược của nhà trường theo lộ trình từng giai đoạn, phối hợp các lực lượng để thực hiện tốt Kế hoạch,...

2. Đối với Phó Hiệu trưởng: giúp Hiệu trưởng chỉ đạo, cụ thể hóa các nhiệm vụ trên lĩnh vực được phân công, ..

3. Đối với Tổ trưởng, tổ phó chuyên môn: chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hàng năm của Tổ để thực hiện mục tiêu của Trường đã xác định; theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch của Tổ; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Tổ để thực hiện hiệu quả kế hoạch của Tổ; phối hợp các tổ chức, lực lượng trong và ngoài nhà trường để thực hiện kế hoạch của Tổ.

4. Đối với giáo viên: xây dựng kế hoạch công tác thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao; phối hợp với cha mẹ trẻ để thực hiện nhiệm vụ giáo dục của lớp, nhóm.

5. Đối với nhân viên: xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch công tác cá nhân năm học, gắn với chức trách nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công để góp phần thực hiện tốt Kế hoạch của nhà trường.

V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

1. Với UBND xã Diễn Lộc

Thực hiện các văn bản Nghị quyết đã đề ra. Tăng cường công tác giám sát công trình, hỗ trợ nguồn kinh phí.

2. Với UBND huyện Diễn Châu

Đề nghị Phòng Nội vụ giải quyết tình trạng thiếu giáo viên, bổ sung giáo viên theo quy định.

Nơi nhận:

- UBND xã

- Lưu hồ sơ

HIỆU TRƯỞNG

Cao Thị Hà

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ